

Bản án số: **61/2022/DS-ST**

Ngày: 16/06/2022

V/v T/C Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.
2. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 16/6/2022, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 89/2022/TLST-DS, ngày 05/4/2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-DS ngày 13/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-DS ngày 30/05/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hồng G**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Số X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Trúc L**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G trình bày: Bà G là hụi viên còn bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T là chủ hụi của các dây hụi cụ thể như sau.

Dây 1: Hụi mùa 10.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2019 ãl, có 16 phần, bà tham gia 02 phần, đóng hụi sống được 04 lần số tiền đóng cho vợ chồng bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T được bao nhiêu nay không nhớ, tính có lãi theo thỏa thuận tham gia

hội, bà L và ông T còn nợ của bà 80.000.000 đồng. Đến tháng 02/2021, bà L ông T ngưng không khai hội nữa và có trả cho bà được 4.000.000 đồng. Nay còn nợ lại 76.000.000 đồng.

Dây 2: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/8/2020 âl, có 31 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hội sống 07 lần. Đến tháng 02/2021, bà L và ông T ngưng không khai hội nữa nhưng chỉ giao cho bà 4.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng chưa giao.

Dây 3: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/8/2020 âl, có 31 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hội sống được 07 lần, Đến tháng 02/2021, bà L và ông T ngưng không khai hội nữa nên còn nợ của bà số tiền 7.000.000 đồng

Dây 4: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 06/10/2020 âl, có 30 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hội sống được 05 lần. Đến tháng 02/2021, bà L và ông T ngưng không khai hội nữa nên còn nợ của bà số tiền 5.000.000 đồng

Dây 5: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 06/10/2020 âl, có 30 phần bà tham gia 01 phần, đóng hội sống được 05 lần, Đến tháng 02/2021, bà L và ông T ngưng không khai hội nữa nên còn nợ của bà số tiền 5.000.000 đồng

Tổng cộng 05 dây hội trên, bà L và ông T còn nợ của bà 96.000.000 đồng

Nay bà Lê Thị Hồng G yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hội là 96.000.000 đồng.

**Đối với bị đơn bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T:** Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, bà L và ông T đã nhận được thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của ông bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa các bị đơn bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà G cho rằng, bà là hội viên đã tham gia 05 dây hội do bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T làm chủ hội. Tháng 02/2021, bà L và ông T ngưng hội. Tính đến nay, số tiền hội bà L và ông T còn nợ bà G là 96.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T đã nhận được các thủ tục tố tụng của Tòa án, biết được nội dung khởi kiện của bà G nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử cho rằng Hợp đồng góp hui giữa bà G và bà L, ông T được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hui, bà L và ông T đã vi phạm nghĩa vụ, tự ý ngưng hui nhưng không giao đủ tiền hui cho hui viên như đã thỏa thuận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là  $96.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.800.000 \text{ đồng}$ .

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **TUYÊN XỬ:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Hồng G số tiền nợ hui là 96.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị Hồng G có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Lê Thị Hồng G theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.800.000 đồng.

Bà Lê Thị Hồng G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.400.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003780 ngày 05/4/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh Đa**